Họ tên	Bộ phận	1	2	3	6	7	8	9	10	13	14	15	16	17	20	21	22	23	24	27	28	29	30	Tổng
LÊ HỮU PHONG	TỔ KSNK				8.3	8.37	8.4	8.33	5.53			8.4	8.33	3.97	8.37		8.2	8.2	8.1	3.8	7.3		4.43	**15**
NGUYỄN XUÂN HÀ	TỔ KSNK									8.57	8.63	8.47	8.17	8.33	8.53	8.63				8.6	7.73	8.63	8.37	**11**
TRẦN TUẤN ANH	TỔ KSNK	8.4	8.37	3.2	8.47	8.63	4.2	8.57	8.6	8.37	2.9	8.47	8.43	8.23										**13**
VANG VĂN Ý	TỔ KSNK	4.23	8.43	3.83		4.87	5.97	5.3		5.43		5.3			4.27	8.6				5.8	5.87		5.27	**13**
TỔ KSNK Count	4																							
LƯƠNG VĂN HIẾU	TCHC																							**0**
LA VĂN VIỆT	TCHC																							**0**
Phòng TCHC Count	2																							
LA BÁ HÙNG	TCKT	8.53	5.67	8.33	5.93	8.17	8.33	8.5	8.43	8.57	8.43	8.4	8.47	8.43	4.1		8.37	8.33	8.6	8.5	8.33	9.23		**20**
NGUYỄN THỊ HỒNG SƠN	TCKT	7.9																	8.5	8.53	8.33	8.4	3.97	**6**
VY THỊ THỦY	TCKT	8.5	8.27	8.4	8.7	8.07	8.33	8.27	8.37	8.53	8.2	8.1	8.43	8.53	8.47	8.33	8.27	8.23	8.33	8.53				**19**
LƯƠNG QUÝ MẠNH	TCKT	8.33	7.83			8.47	8.2	7.97	8.27	5.67	8.47	8.13	8.3	3.7		8.2	8.13	8.13		8.43	8.1	8.07	8.03	**18**
Phòng TCKT Count	4																							
NGUYỄN HỒNG LÂM	KHTH	8.3	4.37	8.17	7.2	8.13	8.4	8.07	8.2	8.17	8.2	4.57	8.3		8.4	4.4	8.3	8.3	8.33	8.37	8.47	4.4	8.6	**21**
Phòng KHTH Count	1																							
LƯƠNG THỊ THƯƠNG	KKB																							**0**
LƯƠNG HUỲNH ĐỨC	KKB	8.53	8.43	7.53	8.53	8.4	8.37	8.43	4.93					8.4	8.2	8.5	8.37	8.03		8.23	8.43	9.27	9.07	**17**
HỜ Y CHÙA	KKB	8.2	5.23	5.27	8.03	6.8	7	8.1		8.57	7.43	8.5	7.43		6.77	7.57	7.93	8	7.6	8.43	7.57	8.2	7.87	**20**
LỮ THỊ THẢO	KKB	7.87	7.77	7.9	8.3	8.2	8.37	7.73	8.33	8.73	8.03	7.9	2.9	8.03	8.2	8.03	7.87	8.2	8.03	8.23	8.27	8.2	8.3	**22**
KHA THỊ HẢI	KKB	7.8	7.93	7.7	7.83	7.8	7.9	7.9	8.07	7.77	7.73	8.5	4.33		7.77	7.77	2.7			7.9	7.77	7.87	7.87	**19**
PHẠM THỊ HỒNG THẮM	KKB	4.63	8.63	9.03	8.63	7.53	8.43	9.17	8.37					2.97							8.67	8.4	9	**12**
LÊ THỊ THÚY	KKB																							**0**
LẦU BÁ LẦU	KKB	8.53	7.83	0.77	8.5	8.7	8.63	8.53	8.6	8.6	8.57	8.47	8.67	8.7	8.53	8.53	8.53	8.57	8.97	8.63	8.5	8.5	8.53	**22**
LÔ THỊ CÚC	KKB			8.47	8.7	8.47									8.63	8.5	8.37	8.43	8.63	8.47	8.37	8.43	8.43	**12**
MOONG VĂN SƠN	KKB	8.37	8.33	8.17	8.33	8.53	4.1	5.53	8.33	8.4	8.33		8.37	8.33	4.63	8.43	8.5	5.73	8.57	8.43	5.67	8.87		**20**
CẦM THỊ DẦN	KKB																							**0**
Khoa Khám Bệnh Count	11																							
LẦU Y XÀI	K Dược	7.3	8.07	8	8.47	7.97	7.73	7.37	7.83	7.97	7.8	8.1	8.1	8.07	2.7	2.97	8	7.9	8.03					**18**
NGUYỄN TIẾN HÙNG	K Dược	4.83	5.17		4.07	8.57	8.63	8.37		8.47	8.5		8.5	8.47		8.87	8.63	4.73		6.63	8.63	8.63	6.47	**17**
KHA THỊ DUNG	K Dược	8.7	8.57	8.2	8.8	8.4	8.53	8.6	4.4	8.63	8.5	8.43	8.57	8.4	8.47	8.17	8.5	8.63	8.67	8.57	8.2	8.43	8.43	**22**
NGUYỄN THỊ NGUYÊN	K Dược	7.5	7.37	2.6	7.7	7.97	8.1	7.6		8.5						7.97	8.53	8.23	7.57	8.27	8.23	8.2	8.63	**16**
Khoa Dược Count	4																							
VI ĐẠI TIẾN	Ngoại 3CK	8.27	8.6	8.23	8.5	4.33	8.6	8.4	8.5	8.57	8.53	8.4	8.63	8.5	8.47	8.87	8.43	8.3	8.23	8.57	9.07	8.47	8.37	**22**

MOONG THỊ THỦY TIÊN	Ngoại 3CK															8.5	8.53	2.83	4.1	8.37	8.73	8.37	8.37	**8**
LÔ THỊ KÈO	Ngoại 3CK																							**0**
VI THỊ ĐÍ	Ngoại 3CK	8.2	8.1	8.37	8.47	8.17	8.47	8.37	8.3	8.2	8.23	8.2	8.6	8.4	8.23	8.7	8.37	8.17	8.63	8.57	8.5	8.4	8.03	**22**
VI THỊ VÂN	Ngoại 3CK	8.6	4.5	8.53	8.67		8.67	8.7	8.63	8.47	8.47	8.47	8.7	8.53	8.57	8.53	8.57	8.73	8.53	8.43	8.63	8.53	8.53	**21**
GIÀ Y LỲ	Ngoại 3CK	8	8.17	8.03	8.1	7.87	8.23	4.4	8.1	7.87	8.13	8.03	5.13	8.13	8.17	2.67	8.23		8.17	7.83	7.8	7.87	8.13	**21**
LƯƠNG THỊ HUYỀN THẢO	Ngoại 3CK	3.53	8	8.4	8.57	7.53	8.23	5.2	8.53	8.6	8.4	8.27			8.4	8.53	8.67	8.43	8.5		8.67	8.6	8.43	**19**
VI THÁI BÌNH	Ngoại 3CK	8.67	9.03	8.77	8.83	8.5	8.7		6.97	8.33	8.53	8.47	8.7	8.63	8.4	8.63	8.43	8.5	8.67	8.7	8.53	8.4	8.23	**21**
VI VĂN HÙNG	Ngoại 3CK	8.67	8.5	8.73	8.73	8.73	8.7	8.7	4.33	8.7	8.73	8.63	8.73	8.6	8.53	8.73	8.7	8.53		8.6	8.73	8.87	8.53	**21**
LƯƠNG ĐÌNH ĐẠT	Ngoại 3CK	8.73	8.43	4.37	4.23	8.63	8.67	8.6	8.77	8.7	9.4	8.7	8.87	4		8.87	8.57	8.43	8.53	8.8	8.73	8.37	8.47	**21**
HỒ THỊ HÒE	Ngoại 3CK	7.1	7.9	6.2	7.17	8.43	8.23	7.87	8.33	8.23	8.33													**10**
NGUYỄN PHÙNG TƠM	Ngoại 3CK	8.8	9.1	8.13						8.7	9.17	8.27	9.23	9.13	8.47	2.97	8.33	5.47		8.63	8.43	8.43	8.8	**16**
NGUYỄN THIỆN HOÀNG	Ngoại 3CK																							**0**
KHA THỊ TÂM	Ngoại 3CK				8.67	8.5									8.53	8.43	8.6	3.37		8.63	8.5	4.03	8.47	**10**
KHA VĂN KHÁNH	Ngoại 3CK				8.6	8.4	8.5	8.63	8.37							7.7	8.43	8.23	8.57	8.57	8.4	8.47	8.57	**13**
MÙA Y DÌA	Ngoại 3CK	2.5		7.27	3.5	7.83	5.63	8.47	9	7.7	8.53	7.17	8.6	7.7	8	8.47	5	8.23	8.47	8.5	6.47			**19**
NGUYỄN TIẾN DŨNG	Ngoại 3CK	8.87	8.47	8.37			8.27	8.63	8.9	8.63	8.67	4.7	8.6	8.57	5.5	8.6	8.43	8.4	8.6	8.63	8.5	8.53	8.87	**20**
VI KHẮC TIỆP	Ngoại 3CK		8.53	8.67			4.2	8.67	8.7						4.4	8.63	5.67	5.57		9.2	8.67	8.43	8.57	**13**
LÔ THỊ HẠNH	Ngoại 3CK	8.47	8.47	8.53	8.57	8.7	8.57	8.47	8.53	8.57	8.47	4.6								8.5	8.5	8.53	8.53	**15**
Khoa Ngoại 3CK Count	19																							
NGUYỄN ĐÌNH DŨNG	K NỘI	8.5			8.53	8.57	8.57	8.47	8.77						8.83	8.5	8.5	8.43	8.5	8.63	8.6	8.63	8.53	**15**
VI THỊ KIM	K NỘI									8.53														**1**
VỪ BÁ CỞ	K NỘI	8.53	8.37	4.47	8.63	5.1	4.57	8.5	7.73	8.6	8.57	5.63	4.47	8.53	8.5	8.7	8.67	8.47	4.07	8.5		8.53	8.53	**21**
VI THỊ HẢI	K NỘI																							**0**
XỒNG BÁ TỦA	K NỘI	3.77	8.73	8.6	9.07	8.73	8.9	4.7	8.8	8.77	8.6		5.7	8.7	5.73	8.77	8.67	8.7	4.87	3.87	8.73	8.83	3.67	**21**
VỪ BÁ TU	K NỘI	4.63	8.63	5.5	8.67	3.9	3.87		3.5					4.5		7.83	6.8	8.57		8.47	3.5	8.43	7.4	**15**
KHA BÚN MY	K NỘI	8.57	7.2	2.87	8.57	8.6	8.73	8.63	9.3		8.7	3.93	8.57	8.57	8.7	9.03	3.77	8.53	8.63	9.03	8.6	5.03	5.13	**21**
LƯƠNG VĂN HOÀNG	K NỘI																							**0**
LƯƠNG THỊ HẰNG	K NỘI																							**0**
LẦU Y GIỞ	K NỘI	8.13	8.37	8.07	8.07	8.7	8.4	8.43	4.1	8.8	8.53	8.6	8.53	8.5	8.47	8.67	8.53	8.57	8.5	7.97	8.57	7.53	7.9	**22**
HỜ Y SÙA	K NỘI	5.67	8.53	8.47	8.5	5.43	8.67	7.37	4.57	8.23	8.47	8.57	8.6	8.47	5.97	8.57	8.13	8.37		4.97	8.57	8.93	8.43	**21**
ĐẶNG THỊ LƯƠNG	K NỘI	8.43	8.47	8.5	4.27	8.47	5.63	8.5	5.7	8.57	8.7	5.07	4.03	5.77	8.77	9.43	8.57	3.5	8.77		8.57	8.8	8.53	**21**
VỪ BÁ PHIA	K NỘI	8.67	8.57	8.6	8.7	4.23	8.27	7.83	8.67					8.6	8.6	8.63	8.53		8.67	8.67	8.67	8.73	9	**17**
VŨ THỊ ÁNH	K NỘI																							**0**
LƯƠNG XUÂN QUY	K NỘI	5.67	5.7	8.2	5.7	5.7	5.7	5.8	5.63															**8**

NGUYỄN THỊ HẠNH	K NỘI																						**0**
NGUYỄN KHẮC LÂM GIANG	K NỘI	8.57	7.67	4.57		8.03	8.6	8.17	4.1	8.53	8.4		4.4	8.63	4.2	8.37	4.4				8.67	8.53	4.5	**17**
LÊ THỊ HIỀN	K NỘI																						**0**
NGUYỄN VĂN NGA	K NỘI	8.67	8.47	8.27	8.67	8.5	8.6	8.47	8.7	8.5	8.43	8.53	8.47	8.47		8.53	8.6	8.6	8.43	8.6	8.5	8.63	8.6	**21**
VÕ THỊ THẮM	K NỘI	4.13	3.63		8.4	6	5.97	4.23	8.47	8.23	8.63	8.13		6.87	8.4	4.53	8.67	8.63	8.07	8.43	6.97	8.53	8.43	**20**
LÔ THỊ HẰNG B	K NỘI	8.57	8.6	8.5	9.23	8.53	8.57	8.53	8.87	8.43	4.2	8.4	8.53	4.93	8.33	8.6	8.83	8.47	8.77	7.97			8.57	**20**
ĐOÀN ĐẠI PHÚC	K NỘI																							**0**
KHA THỊ HÀ	K NỘI														8.6	8.53	8.47	8.4	8.6	8.6	8.57	8.5		**8**
VI VĂN KHƯƠNG	K NỘI								3.13	4.07	4.2	8.67	8.4	8.63	5.67	8.73	8.43	5.27	8.63	8.63	8.6	8.43	8.67	**15**
KHA THỊ THỦY	K NỘI	8.47	8.53	8.47	8.73	8.4	8.47	8.43	8.53	8.43	8.47	8.53	8.43	5.57	5.6	8.5	8.4			8.47	8.33	8.53		**19**
Khoa Nội Nhi Count	25																							
Vi Thị Hồng	CSSKSS	8.63	8.5	4.33	8.67	8.43	8.47		8.57	8.8		8.47	4.2	8.47	8.87		8.57	8.6	8.47	8.1	8.67	8.5	5.87	**19**
LỮ THỊ HƯƠNG	CSSKSS	8.47	8.63	8.5	8.53	8.43	8.03	8.2	8.63	5.83	8.1	8.2	3.8	8.4	8.27	8.2	8.33	8.17	8.67	8.8	7.9	8.53	8.33	**22**
VI THỊ LÊ	CSSKSS	8.3	3.9	8.43	8.53		5.67	6.47	8.47	8.37	8.37		8.47	8.3	4.17	8.23	8.43	4.37	8.43	8.5	4.1	8.4	8.37	**20**
LÔ THỊ HOA	CSSKSS																							**0**
VỪ Y XỪ	CSSKSS	8.57	8.57	9.2	8.73	8.8	8.6	4.23		8.57	8.77	8.67	8.6	8.5	8.67	8.4	8.7	8.63	8.63	9.3	8.57	8.6	8.33	**21**
CAO THỊ MINH HIẾN	CSSKSS				4.27	5.43										4.5	4.3	8.47	4.5				8.2	**7**
LÔ VĂN HẢI	CSSKSS	8.5	8.6	8.67		8.4	8.43	8.33	8.67	8.47	8.4	8.53		8.43	8.47	8.67	8.67	8.6		8.8	8.4		8.5	**18**
VI THỊ CHUYÊN	CSSKSS	8.4	8.43	8.4				8.5	8.43	4.43	8.37	8.4	8.4	8.1	8.43		8.37	8.37	8.37	8.43	8.43	8.43	8.27	**18**
VI THỊ UYÊN	CSSKSS	8.33	4	8.67		8.47	8.4	8.37	8.63		8.27	8.7	8.7	4.1		8.63	4.67	8.57	8.5	8.33	8.6	4.3	8.37	**19**
NGÔ THỊ DUYẾN	CSSKSS	8.53	8.57	8.1	8.57	4.2	8.47	8.7	8.67	8.6	8.67	3.97	8.6							8.5	8.03	8.37	8.53	**16**
VY THỊ COÓNG	CSSKSS	4.73	8.37	4.43	8.57	9.23	8.3	8.43	8.27	8.8		8.43	4.17	8.6	8.47	3.6	8.57	8.4	4.1	4.93	8.57	8.5	8.77	**21**
Khoa CSSKSS Count	11																							
VỪ Y ĐÍA	K Lây		8.6	8.8	9.03	8.63		8.83	8.53	8.57	8.8	8.3	8.57	8.6	8.67	8.63	8.53	8.83		8.73	8.8	4.4	5.37	**19**
NỘC VĂN HẰNG	K Lây	8.43	8.57	8.57	8.53	8.57	8.57		8.6	8.53	8.6	8.53	8.6	8.57	9.33	8.57	8.6	8.53	8.53	8.53	8.57	4.47	8.53	**21**
NGUYỄN BẢO TRUNG	K Lây	5.63	8.63	8.7	8.6	8.63	8.63	8.73	8.57					8.57	8.6	8.6	8.6	8.6	5.67	8.73	8.57	8.6	8.53	**18**
NGUYỄN THỊ KIM LÂM	K Lây	8.53	8.6	8.63	8.9	8.63	8.53	8.47	8.53	8.63	8.9		8.57		8.6	8.6	8.73	8.77	8.7	8.53	8.57	8.67	8.67	**20**
VÕ THỊ HỒ	K Lây	4.27	8.63	8.67	8.7	8.53	8.57	8.5	8.67	8.7	8.67	8.57	8.57	8.67	8.63	8.57	8.7	8.9	8.63	8.67	8.73	8.6	8.63	**22**
LÊ THỊ THU PHƯƠNG	K Lây	8.7	5.6	8.6	8.83	8.67	8.67	6.07	8.67	8.63	8.73		8.73	8.43	8.67	8.73	8.6	8.53	8.67	8.67	8.77	8.6	8.7	**21**
LA THỊ LƯƠNG	K Lây	8.53	7.83					8.6	8.37	8.57	8.5	8.53	8.57	9.27	4.2	8.67	8.53	9.13	8.6	8.57	8.57	8.6	8.57	**18**
LÔ THỊ KIM CHI	K Lây	8.6		8.4	8.5	8.43		8.43			3.77	8.17	4.47			8.5	4.47	8.53	5.4					**12**
ỐC THỊ CHIẾN	K Lây	8.6	8.6	8.63	8.93	8.63	8.53	8.83	8.53	8.8	8.47	8.37	8.57	8.6	5.73	8.63	8.73	8.83	8.7	8.73	8.8	8.67	4.17	**22**
Khoa Lây Count	9																							
MOONG THỊ CHẮN	HSCC	8.3	3.93							8.5	8.4	8.13	7.9	8.07	8.3	8.03	8.23	8.23	8.4	7.03		8.23	7.9	**15**

VỪ BÁ NHÌA	HSCC	8.4	8.37	8.33	8.5	9.23	8.23	8.3	3.9					8.13	8.37		8.23	2.87	8.23	8.8	8.3	8.63	8.57	**17**
LƯƠNG THỊ NGỌC	HSCC																							**0**
XEO THỊ MAY	HSCC	5.9	8.67	7.77	3.77	5.97	6	5.9	8.47		8.8	6.33	8.7	8.47	6.07	8.47	8.37	8.57	8.4	8.73	8.7	8.57	8.23	**21**
NGUYỄN THỊ TUYẾT TRINH	HSCC	8.37	3.83			8.67	4.87	8.53	2.87	8.43	8.43	6.1	8.67	8.47	8.57	8.43	6	8.5	8.67	8.6	8.47	8.47	8.47	**20**
LÔ VĂN CHÔM	HSCC	8.43	8.63	8.53			8.53	8.53	8.37	8.47	4.13	8.43	8.27	8.47	8.47	8.43	8	8.4	8.57	8.5			2.77	**18**
HỒ HỒNG HẢI	HSCC	5.87	8.23	5.57	8.37	8.4	8.37	7.7	8.17	8.23	8.3	8.17	5.67		5.57	8.2	8.23	8.27					7.9	**17**
KHA THI MY LY	HSCC	8.4	8.37	5.7	4.2	8.4	8.47	8.5	0.6	8.6	8.5	8.5	7.9	8.6	8.73	8.67	8.4	5.73	8.37					**18**
LẦU BÁ CHÒ	HSCC	5.23	7.87	8.1	8.93	8.5	8.33	8.5	8.67	8.4	7.2		8.57	8.47	8.47	8.53	4.6	8.53			8.63	5.43	8.47	**19**
BÙI ĐĂNG PHƯỢNG	HSCC	8.23	8.2	8.37	8.37	8.23	8.3	8.17	8.17	7.97	8.23	8.27	8.2	8.5	8.47	8.2	8.33	8.23		8.23	8.13		8.07	**20**
LÔ VĂN PHÚC	HSCC	8.4	8.53	8.4				8.37	8.57	8.57	8.37	8.47	8.43	8.47	2.83	8.57	8.67	8.4	8.3	8.47	8.5	8.43	8.5	**19**
Khoa HSCC Count	HSCC																							
LÔ VĂN BA	HSCC	8.6	8.43	8.37	8.53	8.4	8.47	8.17	8.33						8.47	8.5	8.3	8.3	8.43	8.33	8.47	8.5	8.47	**17**
LÔ THỊ MỸ KIM	HSCC	8.53	8.43	8.43	8.6	8.37	8.5	8.4	8.53	8.5	8.43		8.63	8.53	8.43	8.43	8.47	8.37	8.43	8.47	8.5	2.83		**20**
LƯƠNG PHI HÙNG	HSCC	8.57	8.37	8.37	8.53	8.5	8.47	8.4	8.43	8.4	8.4	8.5	8.47	8.4	8.33	8.5	8.6	8.43	8.4	8.5	8.47	8.5	8.53	**22**
MOONG THỊ NGỌC	HSCC		8.13	3.9	8.47	7.9	8.17	8.07	8.17	8.33	7.93	7.77	7.53		8.13	7.87	5.5	8.37	7.87	4.27	3	8.07	8.63	**20**
LỮ VĂN GIANG	HSCC	8.47	8.37	8.27	8.47	8.47	8.27	8.4	8.23	8.43	8.27	8.3	8.37	8.5	8.43	8.4	8.53	8.5	8.57	8.67	8.4	8.57	8.53	**22**
LÔ VĂN HOÀN	HSCC																							**0**
NGUYỄN THỊ TRANG	HSCC	5.17	8.4	4.63	8.77	5.33	8.47	8.5	8.8	4.33	8.27	8.47	8.43	8.5	8.37	8.23		8.3	8.5	8.5	8.5		8.53	**20**
MOONG VĂN TUẤN	HSCC	4.4	8.47	8.47	4.4	8.5	8.3	8.27	8.37	8.07	8.47	4.53	8.47	4.23	8.73		8.9	9.13			8.77			**17**
LƯƠNG THỊ ĐÔNG	HSCC	8.47	8.37	8.43	8.23	8.6	9	4.1		8.47	8.57	8.6	8.67	4.23	8.5	8.6		8.5	8.87	9.37	8.47	8.83	4.27	**20**
PHAN THỊ LÀI	HSCC	8.47	8.37	8.37	8.53	8.43	8.37	8.33	4		8.5	8.43	8.4	8.47	8.33	8.43	8.47	8.33	8.47	8.6	8.5	8.37	8.5	**21**
TRẦN XUÂN SƠN	HSCC	8.47	8.33	8.47	8.7	8.3	8.3	8.53	8.53	8.6	8.6	8.53	8.53	2.97	8.53	8.47		8.5	8.57			8.63	8.63	**19**
LƯƠNG THỊ HOA	HSCC	8.6	9.13	3.77	8.23	9.13	8.57	4.8							8.3	9.23		5.6	4.37	7.23	9.23	8.3	8.43	**15**
LÔ HẢI DƯƠNG	HSCC	7.27	8.27	7.7	8.43	8.3	8.37	8.5	8.23	8.4	8.27	8.23	8.33	8.17	8.3	8.4	7.97	8.1	8.37	8.33	8.27	8.37	8.37	**22**
Khoa XN&CĐHA Count	13																							